

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Văn Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp TAB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Bình D, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp TAB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hà Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông D chung sống với nhau vào năm 1986 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông D không quan tâm, lo lắng cho gia đình, không tôn trọng bà và mẹ bà. Bà yêu cầu ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà và ông Dân có 04 người con tên Trương Ngọc H, sinh năm 1987; Trương Tiền H, sinh năm 1991; Trương Mộng H, sinh năm 1993; Trương Dương H, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ông Trương Bình D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, việc chung sống là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP nhưng hiện tại không còn lưu giấy chứng nhận kết hôn. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống có lời lẽ xúc phạm bà T và mẹ vợ. Ông không đồng ý ly hôn bà T.

- Về con chung: Ông bà có 04 người con theo như bà T trình bày, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà T, ông D chung sống vào năm 1986 trên tinh thần tự nguyện, ông bà đều xác định có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP nhưng đã thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Thấy rằng ông bà chung sống trước ngày 03/01/1987 thuộc trường hợp hôn nhân thực tế nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo bà T và ông D đều xác định trong quá trình chung sống ông D có những lời lẽ xúc phạm bà T và mẹ bà T dẫn đến bà Thu khởi kiện ly hôn. Tại phiên Tòa, ông D có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn trong khi đó bà T cương quyết ly hôn và xác định không còn tình cảm với ông D. Xét mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà T được ly hôn ông D.

[2] Về con chung: Các con của bà T, ông D đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T không phải chịu do có đơn xin miễn án phí với lý do thuộc diện người cao tuổi đúng luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hà Thị T, cho bà Hà Thị T được ly hôn ông Trương Bình D.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị T không phải chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã TAKĐ, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng